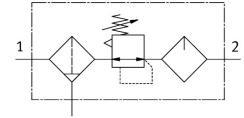


**Thiết bị khí đầu vào**  
**FRC-1/8-D-O-MINI-NPT**  
Số bộ phận: 173830

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                 | Mini                                                          |
| Cổng xả nước ngưng tụ                                      | quét thủ công                                                 |
| Độ mịn bộ lọc                                              | 40 µm                                                         |
| Áp suất vận hành                                           | 0.1 MPA...1.6 MPA<br>1 bar...16 bar                           |
| Phạm vi điều chỉnh áp suất                                 | 0.5 bar...12 bar                                              |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 700 l/ph                                                      |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:9:-]<br>Khí trơ               |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Cấp độ sạch không khí tại đầu ra                           | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:8:-]<br>Khí trơ               |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                                |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 600 g                                                         |
| Kiểu gắn                                                   | với phụ kiện                                                  |
| Cổng nối khí nén 1                                         | 1/8 NPT                                                       |
| Cổng nối khí nén 2                                         | 1/8 NPT                                                       |
| Ghi chú vật liệu                                           | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu vỏ                                                | Kém đúc áp lực<br>PC                                          |